

SPORTS AND GAMES

A CLOSER LOOK 2

- sleep- slept – slept	(v) : ngủ
- restaurant	(n): nhà hàng
- score	(v) : ghi bàn, đạt điểm
- fantastic	(adj): tuyệt vời
- goal	(n): bàn thắng, khung thành
- exhausted	(adj) : mệt lử, kiệt sức
- chewing gum	(n) : kẹo cao su
- chew	(v) : nhai
- swallow	(v) : nuốt
- park	(v) : đậu xe
- outside -inside	(adv) : ở bên ngoài- ở bên trong
- tidy up	(v) : dọn dẹp
- lift	(n) : thang máy
- fire	(n) : lửa, hỏa hoạn
- try	(v) : cố gắng
- rule	(n) : qui tắc, luật lệ
- change	(v) : thay (quần áo), thay đổi

--	--